UBND HUYỆN TIÊN LÃNG
TRƯỜNG MẦM NON TÂY HƯNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 53./QĐ-MNTH

Tây Hưng, ngày 25 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai thông tin đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý nhân viên và các khoản thu chi năm học 2024-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON TÂY HƯNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về thực hiện công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của đồng chí kế toán Trường Mầm non Tây Hưng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai nội dung sau:

Biểu 04: Thông báo công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024-2025.

Biểu 6.2: Công khai các khoản thu chi năm học 2024 -2025.

Điều 2. Các ông (bà) cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường Mầm non Tây Hưng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG TP. HẢI PHÒNG
TRƯỜNG MẦM NON TÂY HƯNG

Phạm Thị Hạnh

UBND HUYỆN TIÊN LÃNG
TRƯỜNG MẦM NON TÂY HƯNG

Biểu mẫu 6.2

DỰ TOÁN CÁC KHOẢN THU - CHI NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số: 53 /QĐ-MNTH ngày 25/9/2024 của Trường Mầm non Tây Hưng)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán
1	2	3
A	**TỔNG SỐ THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ**	
I	**Số thu phí, lệ phí**	
1	**Học phí (nếu có)**	
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	31.176.889
1.2.1	Mức thu Nhà trẻ/trẻ/tháng	92 000
1.2.2	Mức thu mẫu giáo/trẻ/tháng	85 000
1.3	Tổng số thu trong năm	173.520.000
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	204.696.889
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng(1)	204.696.889
1.6	Số chi trong năm	110.986.139
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	110.986.139
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	- Chi khác	
1.7	Số dư cuối năm	93.710.750
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)	
2	**Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)** *(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*	
2.1	**Tiền học thêm thứ 7**	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	450.100
2.1.2	Mức thu /trẻ/ngày	35 000
2.1.3	Tổng số thu trong năm	41.955.000
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	42.405.100
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	42.405.100
2.1.6	Số chi trong năm	42.405.100
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	33.924.080
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	7.632.918
	- Chi phúc lợi, chi khác	
	- Chi nộp thuế	848.102
2.2	**Tiền trông trẻ ngoài giờ hành chính**	
2.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	
2.2.2	Mức thu /trẻ/ngày	10 000
2.2.3	Tổng số thu trong năm	376.510.000
2.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	376.510.000
2.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	376.510.000
2.2.6	Số chi trong năm	376.510.000
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	293.677.800

TT	Nội dung	Dự toán
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	75.302.000
	- Chi phúc lợi, chi khác	
	- Chi nộp thuế	7.530.200
3	**Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)**	
3.1	**Hỗ trợ cô nuôi**	
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
3.1.2	Mức thu	65 000-70.000
3.1.3	Tổng số thu trong năm	141.765.000
3.1.4	Trong đó: - Chi nhân viên cô nuôi	124.753.200
3.1.5	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
3.1.6	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	14.176.500
	- Chi phúc lợi, chi khác	
	- Chi nộp thuế	2.835.300
4	**Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú….** *(Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*	
4.1.	**Tiền ăn bán trú**	
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
4.1.2	Mức thu/trẻ/ngày (theo số buổi thực tế học sinh đi học)	22 000
4.1.3	Tổng số thu trong năm	753.020.000
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	753.020.000
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	753.020.000
4.1.6	Số chi trong năm	753.020.000
	Trong đó: - Chi cho học sinh ăn	753.020.000
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác:……..	
4.1.7	Số dư cuối năm	0
4.2.	**Tiền chất đốt**	
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	
4.2.2	Mức thu (thu theo số buổi thực tế học sinh đi học)	1.500 – 2.000
4.2.3	Tổng số thu trong năm	75.302.000
4.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	75.302.000
4.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng (1)	75.302.000
4.2.6	Số chi trong năm	75.281.000
	Trong đó: - Chi chất đốt theo số thực tế thu đủ bù chi	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác:……..	
4.2.7	Số dư cuối năm	21.000
4.3.	**Tiền chăm sóc bán trú**	
4.3.1	Số dư năm trước chuyển sang	
4.3.2	Mức thu cháu mới/năm	300 000
	Mức thu cháu cũ/năm	200 000
4.3.3	Tổng số thu trong năm	54.000.000
4.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	54.000.000

TT	Nội dung	Dự toán
4.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng [1]	54.000.000
4.3.6	Số chi trong năm	54.000.000
	Trong đó: - Chi mua trực tiếp đồ dùng cho học sinh	54.000.000
4.2.7	Số dư cuối năm	
5	**Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anhcó yếu tố người nước ngoài, Tin học…***(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây*	
5.1	**Học tiếng anh**	
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
5.1.2	Mức thu ….	
5.1.3	Tổng số thu trong năm	
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng [1]	
5.1.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy….	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo…..	
	- Chi phúc lợi, chi khác	
	- Chi nộp thuế	
5.1.7	Số dư cuối năm	
	……	
6	**Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, …….** *(Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*	
6.1	**……**	
6.1.1	Số học sinh	
6.1.2	Mức thu ……	
6.1.3	Tổng thu	
6.1.4	Đã chi	
6.1.5	Dư	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	
1	**Chi sự nghiệp …….**	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2	**Chi quản lý hành chính**	
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	

TT	Nội dung	Dự toán
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	
1	Học phí	
2	Học nghề	
3	Học Tiếng anh	
4	Học kỹ năng sống	
5	Trông giữ xe đạp	
6	.....	
B	**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
II	**Nguồn viện trợ**	
1	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	
1	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	

TT	Nội dung	Dự toán
	.....	
C	**MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG**	
1	Mức thu nhập của CBQL	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	
2	Mức thu nhập của giáo viên	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	
	Mức bình quân (đ/người/năm)	
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	
D	**MỨC CHI CHO HỌC SINH**	
1	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)	
2	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)	

Tây Hưng, ngày 25 tháng 9 năm 2024

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi họ tên)

Dương Thị Thảo

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên và đóng dấu)

HIỆU TRƯỞNG
Phạm Thị Hạnh

Biểu mẫu 04

UBND HUYỆN TIÊN LÃNG
TRƯỜNG MẦM NON TÂY HƯNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học: 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	CĐ
	Tổng số CBQLGVNV	30			23	2	3	2		21	1				
I	**Giáo viên**	19			19										
1	NT	4			4					4					
2	MG	15			15					15					
II	**CBQL**	3			3										
1	HT	1			1						1				
2	PHT	2			2					2					
III	**Nhân viên**	8			1	2	3	2							
1	Kế toán	1			1										
2	Nhân viên nấu ăn	6				2	3	1							
2	Nhân viên bảo vệ lao công	1						1							

Tây Hưng, ngày 25 tháng 9 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Phạm Thị Hạnh